

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-03-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu

Ông Vũ Hải Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Đức T, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 6, khu 7, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Triệu Thị B, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01/10/2020, nộp tại Tòa án ngày 07/10/2020, bản tự khai ngày 23/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Đức T trình bày:

Anh Phạm Đức T và chị Triệu Thị B được bố mẹ hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán vào ngày năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 19/11/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phạm Đức T và chị Triệu Thị B bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi chửi nhau, sự việc xảy ra đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn

không thay đổi. Vào năm 2011 anh Phạm Đức T đã về nhà bố mẹ đẻ tại Quảng Ninh sinh sống và sống ly thân với chị B từ đó đến nay. Nay anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Triệu Thị B.

Về con chung: Anh Phạm Đức T và chị Triệu Thị B có 01 người con chung là Phạm Triệu T1, sinh ngày 11/12/2007. Hiện nay cháu Phạm Triệu T1 đang ở cùng anh T, khi ly hôn anh Phạm Đức T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Phạm Triệu T1, anh Phạm Đức T không yêu cầu chị Triệu Thị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Đối với bị đơn chị Triệu Thị B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho chị B, nhưng chị B cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa ngày 03/3/2021 chị B vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của con chung chưa thành niên cháu Phạm Triệu T1 trình bày tại Bản tự khai ngày 23/10/2020: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố là anh Phạm Đức T.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 22/01/2021, ông Vũ Duy C trưởng khu H, thị trấn Đ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn cho biết anh T và chị B đã sống ly thân với nhau từ năm 2011.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai, tham gia phiên tòa và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức T, cho anh Phạm Đức T ly hôn chị Triệu Thị B.

Về con chung: Giao cháu Phạm Triệu T1, sinh ngày 11/12/2007 cho anh Phạm Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Triệu Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Phạm Đức T không yêu cầu. Chị Triệu Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bị đơn chị Triệu Thị B họp lệ lần thứ nhất để đưa ra xét xử nhưng chị B vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa vào ngày 03/3/2021. Tại phiên tòa hôm nay, chị Biên đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Triệu Thị B.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 07/10/2020 anh Phạm Đức T gửi đơn xin ly hôn với chị Triệu Thị B và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T và chị Triệu Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19/11/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống anh T và chị B bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không thành, nên từ năm 2011 anh Phạm Đức T đã về nhà nội tại Quảng Ninh. Anh Phạm Đức T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án và được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 22 tháng 10 năm 2020, nhưng trong quá trình giải quyết chị Triệu Thị B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng họp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị B không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng như không có ý kiến về việc anh T xin ly hôn với chị. Như vậy, chứng tỏ chị B cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng. Tại biên

bản xác minh ngày 22/01/2021, ông Vũ Duy C trưởng khu H, thị trấn Đ, huyện C cho biết đã sống ly thân với nhau từ năm 2011. Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho anh T được ly hôn chị B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Anh Phạm Đức T và chị Triệu Thị B có 01 con chung là Phạm Triệu T1, sinh ngày 11/12/2007. Khi ly hôn anh T đề nghị để anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Phạm Triệu T1, không yêu cầu chị Triệu Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Phạm Triệu T1 hiện nay đang ở cùng anh Phạm Đức T về cuộc sống của con được đảm bảo và để tránh gây sự xáo trộn ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu Phạm Triệu T1. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235, 266 Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức T, cho anh Phạm Đức T được ly hôn chị Triệu Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Triệu T1, sinh ngày 11/12/2007 cho anh Phạm Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng: Anh Phạm Đức T không yêu cầu chị Triệu Thị B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Triệu Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung và cho vay nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Phạm Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2012/05496, do cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu ngày 21/10/2020.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Triệu Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND TT Đồng Đăng, huyện Cao Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính